TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT **TỈNH BG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2021/DS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Ngô Phiên.

2. Ông Lục Viết Sang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Doãn Thị Nh, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn CCh, xã ĐH, huyện YT, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Ông Vũ Văn H, sinh năm 1956 (Có mặt).

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn CT, xã HV, huyện YT, tỉnh BG.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Đỗ Ngọc Hà, sinh năm 1960 (Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn CCh, xã ĐH, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa bà Doãn Thị Nh trình bày:

Bà làm nghề buôn bán thức ăn chăn nuôi. Bà bán cám cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Th về chăn nuôi lợn theo chu kỳ chăn nuôi từ khi bắt con giống cho đến khi xuất bán ông H và bà Th phải thanh toán hết tiền mua cám còn nợ cho bà. Tuy nhiên, quá trình mua bán thì vợ chồng ông H và bà Th không trả hết tiền mua cám như thỏa thuận, đến ngày 25/10/2014 thì hai bên kết thúc việc mua bán cám, chốt sổ vợ chồng ông H, bà Th còn nợ bà số tiền là 110.400.000đ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng), từ khi chốt sổ bà đã đôn đốc vợ chồng ông H, bà Th trả tiền nhiều lần, tính đến nay vợ chồng ông H, bà Th còn nợ bà số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Bà khởi kiện yêu cầu ông H và bà Th phải trả cho bà số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng), bà yêu cầu ông H, bà Th phải trả tiền lãi của số tiền 46.200.000đ theo lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày 25/10/2014 trở đi đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Tại bản tự khai ngày 27/7/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa ông Vũ Văn H trình bày:*

Ông mua cám của bà Nh về chăn nuôi theo hình thức mua bán trả chậm, các bên thống nhất thỏa thuận miệng về việc bà Nh đầu tư cám cho ông chăn nuôi từ khi ông bắt con giống về chăn nuôi cho đến khi xuất bán thì ông sẽ trả hết tiền mua cám của chu kỳ chăn nuôi cho bà Nh, tuy nhiên, do chăn nuôi thua lỗ ông chậm trả tiền cám theo chu kỳ cho bà Nh nên bà Nh đã chấm dứt việc bán cám cho ông. Đến ngày 25/10/2014 các bên chốt sổ ông và bà Th còn nợ bà Nh số tiền gốc là 110.400.000đ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng), sau đó hằng năm ông đều trả tiền cho bà Nh, đến nay vợ chồng ông còn nợ bà Nh số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Nh khởi kiện yêu cầu ông và bà Th phải trả số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) ông đồng ý trả tiền cho bà Nh, ông không đồng ý trả tiền lãi vì khi thỏa thuận mua bán hai bên không có thỏa thuận nào về việc ông chậm thanh toán tiền phải trả tiền lãi.

** Tại bản tự khai ngày 27/7/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Vợ chồng bà mua cám của bà Nh về chăn nuôi, ban đầu hai bên thống nhất thỏa thuận bà Nh đầu tư cám cho vợ chồng bà cho đến khi bán lợn sẽ trả hết tiền mua cám

còn nợ. Do chăn nuôi thua lỗ nên vợ chồng bà chưa trả hết tiền mua cám còn nợ cho bà Nh. Đến ngày 25/10/2014 hai bên chốt sổ vợ chồng bà còn nợ bà Nh số tiền gốc là 110.400.000đ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng), hằng năm vợ chồng bà đều tiền trả cho bà Nh. Đến nay vợ chồng bà còn nợ bà Nh số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Nh khởi kiện bà đồng ý cùng với ông H trả cho bà Nh 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền gốc, bà không đồng ý trả tiền lãi.

** Tại bản tự khai ngày 20/7/2021 ông Đỗ Ngọc Hà trình bày:*

Ông là chồng bà Doãn Thị Nh, vợ chồng ông mỗi người làm một nghề nhưng đều nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của gia đình. Ông được nghe bà Nh nói chuyện vợ chồng ông H, bà Th còn nợ vợ chồng ông số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Nh khởi kiện ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nh, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H và bà Th phải trả cho bà Nh số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của bà Nh, ông không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa bà Doãn Thị Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì.

Ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Viện kiểm sát nhân dân huyện YT có công văn số 698/CV-VKS ngày 27/8/2021 xác định vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Doãn Thị Nh khởi kiện ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Th yêu cầu trả tiền mua cám còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", ông H và bà Th cùng có địa chỉ cư trú tại huyện YT nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra từ năm 2014 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết

- Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Ông Đỗ Ngọc Hà vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hà theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị Nh Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Doãn Thị Nh bán cám cho ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Văn Thông từ năm 2011-2012, các bên thống nhất thỏa thuận về hình thức mua bán cám theo chu kỳ chăn nuôi, bà Nh đầu tư cám từ khi bắt đầu chu kỳ chăn nuôi đến khi xuất bán lợn thì ông H, bà Th phải trả hết số tiền mua cám còn nợ. Hai bên đều thống nhất ngày chốt sổ nợ là ngày 25/10/2014 vợ chồng ông H, bà Th còn nợ bà Nh số tiền gốc là 110.400.000đ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng), từ khi chốt sổ đến nay ông H và bà Th đã trả cho bà Nh số tiền 64.200.000đ, còn nợ lại số tiền là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Nh khởi kiện yêu cầu ông H và bà Th phải trả số tiền gốc là 46.200.0000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng), ông H và bà Th đều đồng ý trả tiền gốc còn nợ cho bà Nh nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh. Buộc ông H và bà Th phải trả cho bà Nh số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

- Về lãi suất: Đối với yêu cầu tính lãi của bà Nh yêu cầu tính lãi của số tiền gốc 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) từ ngày 25/10/2014 đến ngày 30/8/2021 theo lãi suất 0,75%/ tháng. Ông H và bà Th không đồng ý trả tiền lãi với lý do giữa bà Nh và ông H, bà Th không có thỏa thuận gì về việc ông H, bà Th không phải chịu lãi suất chậm trả, khi bán cám bà Nh đã được tiền lãi trong mỗi bao cám mà bà Nh bán. Xét yêu cầu tính lãi của bà Nh Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ Khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự khi bên mua chậm trả nợ thì phải chịu lãi suất đối với số tiến chậm trả và việc bà Nh yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó cần buộc vợ chồng ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Th phải trả tiền lãi của số tiền 46.200.000đ (bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) nợ gốc cho bà Doãn Thị Nh.

Số tiền lãi ông H, bà Th phải trả bà Nh được tính như sau: Thời gian tính lãi từ ngày 25/10/2014 đến ngày 30/8/2021 là 82 tháng 05 ngày, cụ thể: 46.200.000đ x 0,75%/ tháng x 82 tháng 05 ngày = 28.470.700 đồng

[3] Về lãi suất chậm trả: Đề đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí**:** Yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị Nh được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Th là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438, khoản 2 Điều 305, Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015**;** Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật thi hành án dân sự xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị Nh.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Doãn Thị Nh số tiền nợ gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) và 28.470.700 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 74.670.700 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về tiền án phí: Hoàn trả bà Doãn Thị Nh 1.905.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004782 ngày 12/7/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT thu.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Th.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- THA huyện YT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng